TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:35/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 01 – 03 – 2018
Về việc xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Dương Hùng Quang.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hoàng Kha.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Điệp.

- Thư ký phiên toà: Bà Tô Huyền Trang- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trương Hoàng Lo - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 813/2017/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 10 năm 2017 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 894/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh H – sinh năm 1974 (Có mặt).
Địa chỉ: Số 227, đường Tạ U, khóm 4, phường B, Tp. Cà M, tỉnh Cà Mau

Bị đơn: Bà Phan Thị T - sinh năm 1978 (Có mặt).
Địa chỉ: Số 227, đường Tạ U, khóm 4, phường B, Tp. Cà M, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, quá trình hòa giải vụ án và tại phiên tòa, Ông Nguyễn Thanh H trình bày*:

Về hôn nhân: Ông và bà T kết hôn năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường A, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau vào năm 2004. Hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, ông H yêu cầu được ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 01 người tên Nguyễn Chí B – sinh ngày 10/4/2004. Khi ly hôn ông H yêu cầu nuôi con và không yêu cầu bà T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có và không ai nợ vợ chồng.

**Bà Phan Thị T trình bày:*

Về hôn nhân: Về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như ông H trình bày. Hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn, do ông H có quan hệ với người phụ nữ khác nên ông H yêu cầu ly hôn với bà, bà không đồng ý ly hôn. Bà yêu cầu được hàn gắn để tiếp tục nuôi con. Nếu ông H cương quyết ly hôn thì bà cũng đồng ý.

Về con chung: Có 01 người tên Nguyễn Chí B – sinh ngày 10/4/2004, nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông H xin ly hôn với bà, thì con muốn sống với cha hoặc mẹ bà đều thống nhất, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng. Ý kiến của Nguyễn Chí B đồng ý sống chung với bà T.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có và không ai nợ ông, bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa ông H bà T là tranh chấp về ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật được áp dụng là điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về hôn nhân: Ông H bà T xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn vào năm 2004 và đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống, do vợ chồng có nhiều điểm bất đồng, không quan tâm, chăm sóc, cảm thông, chia sẻ và thương yêu lẫn nhau. Xét thực tế giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nhận thấy về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong cuộc sống vợ chồng ông, bà mỗi người đều có cách sống, công việc khác nhau, ít có điều kiện gần gũi, an ủi và cảm thông cho nhau nên không hiểu về nhau. Từ đó, vợ chồng đã nhiều lần cải vã, làm mất lòng tin đối với nhau, mỗi người có cuộc sống và mối quan hệ riêng tư, không quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau. Mặt khác, sau khi xảy ra mâu thuẫn ông, bà cũng tự dung hoà để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có hiệu quả. Thực tế ông, bà cũng không còn chung sống vợ chồng khoảng 04 năm nay. Thời gian này nhằm tạo điều kiện cho ông, bà thử thách bản thân, suy ngẫm về cuộc sống vợ chồng đã qua để tìm cách tháo gỡ, khắc phục khuyết điểm của mỗi bên để vợ chồng đoàn tụ nhưng không ai có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn và cũng không quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau. Mặt khác, tự bản thân bà T cũng biết rõ là không thể chung sống với ông H được nữa. Tuy nhiên, bà T vẫn muốn kéo dài cuộc hôn nhân mà không có mục đích gì cụ thể, việc ly hôn là ngoài ý muốn của bà T là sự miễn cưỡng. Bên cạnh đó, ông H cương quyết ly hôn, nếu không được xem xét thì ông cũng không thể chung sống với bà T, vì tình cảm không còn và tương lai, hạnh phúc cũng không có. Hội đồng xét xử thấy rằng, tình cảm và cuộc sống vợ chồng muốn duy trì được cần phải có sự dung hoà, cảm thông, chia sẽ và xây đắp của cả hai bên chứ không phải sự ép buộc, níu kéo từ một phía. Hơn nữa tình cảm vợ chồng của ông và bà đã rạn nứt, không tìm được tiếng nói chung nên không thể hàn gắn được. Vì vậy, cần xem xét chấp nhận cho ông H được ly hôn với bà T là có căn cứ.

[3] Về con chung: Ông, bà xác định giữa ông, bà có 01 con chung tên Nguyễn Chí B, sinh ngày 10/04/2004, hiện đang chung sống với bà T. Khi ly hôn, ông, bà yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Ông H xác định: Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông đồng ý giao con cho bà T nuôi, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, nếu con từ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Tòa án tiến hành ghi ý kiến của cháu B thì nguyện vọng của cháu muốn chung sống với bà T. Đồng thời quan điểm của ông H cũng thống nhất giao cháu B cho bà T nuôi. Do đó, cần chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông, bà và nguyện vọng của cháu B. Giao cháu B cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ông, bà xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ông, bà khai không thiếu nợ ai và không ai nợ lại ông, bà nên không xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Thanh H về việc xin ly hôn bà Phan Thị T.

2. Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông H và bà T. Giao cháu Nguyễn Chí B sinh ngày 10/3/4/2004 cho bà Phan Thị T tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ông Nguyễn Thanh H được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Ông, bà xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông, bà khai không thiếu nợ ai và không ai nợ lại ông, bà nên không xem xét.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, ông H phải chịu 300.000đ. Ngày 13 tháng 10 năm 2017, ông H đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 3817, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Báo ông H, bà T biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã Ký)

Dương Hùng Quang

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự; Điều 269 BLTTDS
- UBND PA, Tp.Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Điệp **Nguyễn Hoàng Kha** **Dương Hùng Quang**